

P, ngày 04 tháng 02 năm 2025

Số: 06/2025/QĐST-DS

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 24 tháng 01 năm 2025 về việc các đương sự thoả thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số 450/2024/TLST-DS ngày 14 tháng 10 năm 2024.

XÉT THẤY:

Các thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thoả thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự:

- Nguyên đơn: Ngân hàng TM CPNA; Trụ sở: Cách Mạng Tháng Tám, phường 5, Quận 3, Tp.HCM. Người đại diện theo pháp luật: Ông Trần Ngô PV- Chức vụ: Chủ tịch Hội đồng quản trị.

Người đại diện theo ủy quyền của ông Trần Ngô PV: Anh Phạm Như Q; Địa chỉ: Khu phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh BT.

- Bị đơn: Bà Nguyễn Thị V, sinh năm 1971 và ông Liêu Chí Q, sinh năm 1960; Địa chỉ: 144/1 ấp Thạnh Khương B, xã Mỹ Hưng, huyện P, tỉnh BT.

Người đại diện theo ủy quyền của bị đơn: Bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1962; Địa chỉ: khu phố 3, thị trấn P, huyện P, tỉnh BT.

2. Sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Bà Nguyễn Thị V và ông Liêu Chí Q có nghĩa vụ liên đới giao trả cho Ngân hàng TMCNA số tiền tính đến ngày 16/01/2025 là 1.192.925.188 đồng, trong đó gồm: Nợ gốc: 999.999.956 đồng; Nợ thẻ tín dụng: 71.238.241 đồng; Nợ lãi trong hạn: 10.616.438 đồng; Nợ lãi quá hạn: 110.445.201 đồng; Lãi chậm trả lãi: 625.352 đồng.

2. 2 Bà Nguyễn Thị V và ông Liêu Chí Q còn phải tiếp tục trả lãi phát sinh trên vốn gốc còn lại theo hợp đồng tín dụng 0213/2023/609-TD-CV ngày 15/6/2023 và Giấy đề nghị kiêm hợp đồng cấp thẻ tín dụng (dành cho khách hàng cá nhân) số 0166/2023/609-CV ngày 15/06/2023 kể từ ngày 17/01/2025 cho đến khi trả tất toàn nợ cho Ngân hàng TMCPNA.

2.3. Trong trường hợp bà Nguyễn Thị V, ông Liêu Chí Q không trả nợ hoặc trả không đầy đủ nghĩa vụ nợ thì Ngân hàng TMCPNA được quyền yêu cầu Cơ quan thi hành án có thẩm quyền áp dụng biện pháp cưỡng chế kê biên, phát mãi các tài sản bảo đảm cùng toàn bộ vật phụ, hoa lợi, lợi tức, doanh thu và các quyền phát sinh từ tài sản bảo đảm sau đây để thu hồi nợ vay cho Ngân hàng TMCPNA: Quyền sử dụng đất thuộc thửa đất số 135, tờ bản đồ số 49 tại ấp Thạnh Quý, thị trấn P, huyện P, tỉnh BT. Hồ sơ pháp lý: Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 764336, số vào sổ cấp GCN: CS10668 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh BT cấp ngày 18/07/2017 được Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh BT cập nhật chỉnh lý ngày 07/06/2023 cho bà Nguyễn Thị V.

Toàn bộ số tiền thu được từ việc bán và xử lý tài sản bảo đảm và các tài sản khác thuộc quyền sở hữu, sử dụng hợp pháp của bà Nguyễn Thị V, ông Liêu Chí Q được dùng để thanh toán nghĩa vụ trả nợ cho bên vay vốn với Ngân hàng TMCPNA. Trường hợp nếu số tiền thu được từ bán và xử lý tài sản bảo đảm, các tài sản khác không đủ để thanh toán hết nghĩa vụ nợ thì bà Nguyễn Thị V, ông Liêu Chí Q vẫn phải có nghĩa vụ trả và dùng các tài sản hợp pháp khác của bên vay vốn để trả hết khoản nợ còn lại cho Ngân hàng TMCPNA.

2.4. Khi bà Nguyễn Thị V, ông Liêu Chí Q trả xong số tiền nêu trên cho Ngân hàng TMCPNA thì Ngân hàng TMCPNA phải có nghĩa vụ hoàn trả cho bà Nguyễn Thị V giấy chứng nhận quyền sử dụng đất như sau: Giấy chứng nhận QSDĐ, quyền sở hữu nhà ở và tài sản khác gắn liền với đất số CI 764336, số vào sổ cấp GCN: CS10668 do Sở Tài Nguyên và Môi Trường tỉnh BT cấp ngày 18/07/2017, được Văn phòng đăng ký đất đai huyện P, tỉnh BT cập nhật chỉnh lý ngày 07/06/2023 cho bà Nguyễn Thị V. Và yêu cầu các cơ quan nhà nước có thẩm quyền đăng ký giao dịch bảo đảm xóa đăng ký thế chấp theo quy định.

2. 5. Do Ngân hàng TMCPNA và bà M không yêu cầu Tòa án xem xét, thẩm định tài sản thế chấp nêu trên nên không xem xét giải quyết.

2.6. Về án phí:

- Ông Liêu Chí Q là người cao tuổi nên được miễn nộp án phí.

- Bà Nguyễn Thị V tự nguyện nộp toàn bộ 17.920.409 đồng.

- Ngân hàng Thương mại Cổ phần Nam Á được Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P hoàn trả số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 21.116.000 đồng theo biên lai thu số 0003585 ngày 10/10/2024 của Chi Cục Thi hành án dân sự huyện P.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a, 7b và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Đương sự;
- VKSND huyện P;
- Chi Cục THADS huyện P;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Trần Thị Vân

Hướng dẫn sử dụng mẫu số 38-DS:

(1) Ghi tên Toà án nhân dân ra quyết định công nhận sự thoả thuận của các đương sự; nếu là Toà án nhân dân cấp huyện, thì cần ghi rõ Toà án nhân dân huyện nào thuộc tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương nào (ví dụ: Toà án nhân dân huyện X, tỉnh H), nếu là Toà án nhân dân tỉnh, thành phố trực thuộc trung ương, thì ghi rõ Toà án nhân dân tỉnh (thành phố) đó (ví dụ: Toà án nhân dân thành phố Hà Nội).

(2) Ô thứ nhất ghi số, ô thứ hai ghi năm ra quyết định (ví dụ: Số: 02/2017/QĐST-KDTM).

(3) Ghi số ký hiệu và ngày, tháng, năm thụ lý vụ án (ví dụ: Số 50/2017/TLST-KDTM).

(4) Ghi họ tên, T cách đương sự trong vụ án, địa chỉ nơi cư trú và nơi làm việc của các đương sự theo thứ tự như hướng dẫn cách ghi trong mẫu bản án sơ thẩm.

(5) Ghi đầy đủ lần lượt các thoả thuận của các đương sự về từng vấn đề phải giải quyết trong vụ án đã được thể hiện trong biên bản hoà giải thành (kể cả án phí).